TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2018/HNGĐ - ST Ngày 27 - 6 - 2018 *V/v:* Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Ngô Thị Cần

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 27/6/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST- HNGĐ ngày 21/5/2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; sinh năm: 1979
Địa chỉ: Thôn Đồng Ngư, xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T; sinh năm: 1975
Địa chỉ: Thôn Đồng Ngư, xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị H và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2018, trong bản tự khai đề ngày 23/5/2018 và trong phiên hòa giải chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/1998 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành , tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng sống không được hòa thuận. Nguyên nhân là do anh T hay rượu chè, mỗi lần say rượu lại chửi bới, đánh đập chị. Vì con, chị đã cố gắng cam chịu nhưng anh T không thay đổi tính nết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thị Kim D, sinh năm: 1998 và Bùi Văn S, sinh ngày 08/3/2005. Hiện tại, cháu D đã thành niên và đã có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Còn cháu S, sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì chị đi làm tại công ty may Hoàng Long có thu nhập ổn định 5.000.000đ/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân và tài sản. Tuy nhiên, về con cái chị H tự nguyện giao cháu S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Tại bản tường trình đề ngày 23/5/2018, trong phiên hòa giải, anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/1998 tại UBND xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng sống không được hòa thuận. Nguyên nhân là do chị H đi làm công ty xa nhà, anh ở nhà nên có hay giao lưu bạn bè và thỉnh thoảng có uống rượu nên đôi lúc vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Tuy nhiên, anh thấy đây cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ mà vợ chồng nào cũng gặp phải, chưa đến mức phải ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng được đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn chị H.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thị Kim D, sinh năm: 1998 và Bùi Văn S, sinh ngày 08/3/2005. Hiện tại, cháu D đã đã thành niên và đã có gia đình riêng nên anh không yêu cầu giải quyết. Còn cháu S, vì không đồng ý ly hôn nên anh cũng không yêu cầu giải quyết về con cái.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân và tài sản. Tuy nhiên, về vấn đề con cái, nếu ly hôn anh đồng ý nuôi dưỡng cháu S và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mà chị H đưa ra là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng và thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/1998 tại UBND xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu say, mỗi lần say rượu thì vợ chồng lại cãi vã và đã có lần dẫn đến đánh đập nhau. Việc này cả chị H và anh T đều thừa nhận và cũng được các cấp chính quyền xã Thành An xác nhận. Mặc dù anh T muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị H nhất quyết yêu cầu được ly hôn, điều đó chứng tỏ chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2] Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thị Kim D, sinh năm: 1998 và Bùi Văn S, sinh ngày 08/3/2005. Hiện tại cháu D đã thành niên và đã có gia đình riêng nên chị H và anh T không yêu cầu giải quyết. Còn cháu S, tại phiên Tòa chị H và anh T thỏa thuận, anh T là người trực tiếp nuôi con, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận này của chị H và anh T.

[4] Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Bùi Văn S, sinh ngày 08/3/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng chị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002314 ngày 17/5/2018. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H và anh T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- *Các đương sự*
- *VKSND Thạch Thành;*
- *UBND xã Thành Tiến;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức